

PHIẾU KHẢO SÁT THÍ SINH - NOCN ESOL International

PART OF NOCN GROUP

Phiếu khảo sát này được thiết kế để đo mức độ phù hợp của độ khó bài thi và từng kỹ năng theo bậc CEFR.

This survey is designed to measure the appropriateness of the exam's difficulty and of each skill by CEFR level.

Phiếu khảo sát được thiết kế trên thang đo Likert 1–5 với các mức độ tương ứng như sau:

The survey is based on a 5-point Likert scale with the following levels:

1 = Rất không đồng ý (*Strongly disagree*) - 3 = Trung lập (*Neutral*) - 5 = Rất đồng ý (*Strongly agree*)

A) Thông tin chung / Profile

P1. Họ và tên của bạn là gì? (*What is your full name?*) _____

P2. Bạn tham gia kỳ thi vào ngày? (*What was the date of your exam?*) ___ / ___ / _____

P3. Trình độ văn hóa của bạn? Nếu đang học đại học, bạn hãy ghi cụ thể tên trường mình.

What is your highest level of education? If you are going to a university, please specify your university's name.

Phổ thông (*K-12 Education*) Cử nhân (*Undergraduate*) Sau Đại học (*Postgraduate*)

Khác (*Other*): _____

P4. Bạn vừa tham gia bài thi trình độ nào? (*Which CEFR level did you take?*)

A1 A2 B1 B2 C1 C2

P5. Đây có phải lần đầu bạn thi NOCN ESOL International?

Is this your first time taking NOCN ESOL International?

Đúng (*Yes*) Không đúng (*No*)

P6. Bạn đã từng thi kỳ thi nào khác? Nếu có, hãy ghi rõ số điểm bạn đạt được.

Which other exams have you taken? If yes, please provide your result.

IELTS PTE TOEIC TOEFL Khác (*Other*): _____

P7. Bạn đã dành bao nhiêu giờ để chuẩn bị cho kỳ thi NOCN ESOL International?

How many hours did you spend preparing for NOCN ESOL International?

0-10 11-30 31-60 >60

P8. Bạn dự định sử dụng chứng chỉ NOCN ESOL International để làm gì?

What is your purpose of taking NOCN ESOL International?

Du học (*Study*) Xin việc (*Employment*) Định cư (*Immigration*)

Đánh giá năng lực (*Assessment*) Khác (*Other*): _____

P9. Bạn tham gia thi qua hình thức nào? *What was your delivery mode?*

Trên giấy (*Paper-based*) Trên máy (*Computer-based*)

B) Câu hỏi về bài thi NOCN ESOL International / *Matrix items*

Đánh dấu lựa chọn 1–5 (1 2 3 4 5) cho mỗi câu. / *Select 1–5 for each item.*

Mục / Item	Miêu tả (VN) / Vietnamese	Question (EN)	Chọn 1–5 / Select 1–5
Tổng quan bài thi (Overall)			
Q10 Độ khó chung <i>Overall Difficulty</i>	Nhìn chung, độ khó toàn bài phù hợp với bậc tôi vừa thi.	Overall, the test difficulty was appropriate for the CEFR level you took.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
Q11 Tương ứng CEFR <i>CEFR Alignment</i>	Nội dung bài thi phản ánh đúng mô tả năng lực của bậc CEFR mục tiêu.	The test content aligns with the CEFR level descriptors of the target level.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
Q12 Phù hợp năng lực <i>Pass Likelihood</i>	Khả năng đỗ ở bậc này là hợp lý so với năng lực hiện tại của tôi.	The likelihood of passing at this level felt reasonable for my current ability.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
Q13 Áp lực thời gian <i>Time Pressure</i>	Áp lực thời gian của toàn bài là phù hợp.	Time pressure across the whole test was appropriate.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
Q14 Áp lực kỳ thi <i>Fatigue</i>	Áp lực kỳ thi tích lũy trong kỳ thi là chấp nhận được.	Overall fatigue during the test was acceptable.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
Kỹ năng Nghe (Listening)			
C1 Độ khó phù hợp <i>Difficulty Fit</i>	Độ khó Listening phù hợp với bậc tôi thi.	Listening difficulty was appropriate for my level.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
C2 Âm thanh <i>Speed/Clarity</i>	Tốc độ nói và độ rõ của âm thanh là phù hợp.	Speed and clarity of audio were appropriate.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
C3 Đa dạng giọng nói <i>Accent Diversity</i>	Đa dạng giọng (accent) không gây bất công.	Accent diversity did not create unfair disadvantage.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
C4 Thời lượng bài thi <i>Time Sufficiency</i>	Thời gian làm Listening là đủ để hoàn thành.	Time for Listening was sufficient to complete the tasks.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5

Kỹ năng Đọc (Reading)

C5 Độ khó phù hợp <i>Difficulty Fit</i>	Độ khó Reading phù hợp với bậc tôi thi.	Reading difficulty was appropriate for my level.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
C6 Độ dài/độ phức tạp <i>Length/Complexity</i>	Độ dài và độ phức tạp văn bản là hợp lý.	Text length and complexity were reasonable.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
C7 Từ vựng/Ngữ pháp Lexis/Grammar Level	Từ vựng và cấu trúc đúng tầm CEFR mục tiêu.	Lexis and grammar demands matched the target CEFR level.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
C8 Thời lượng bài thi <i>Time Sufficiency</i>	Thời gian dành cho Reading là đủ.	Time for Reading was sufficient.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5

Kỹ năng Viết (Writing)

C9 Độ khó phù hợp <i>Difficulty Fit</i>	Độ khó Writing phù hợp với bậc tôi thi.	Writing difficulty was appropriate for my level.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
C10 Độ dài/Tiêu chí chấm Length/Criteria	Độ dài yêu cầu và tiêu chí chấm là hợp lý.	Required length and marking criteria were reasonable.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
C11 Tính thực tế <i>Task Authenticity</i>	Chủ đề/nhiệm vụ viết gần gũi với tình huống giao tiếp thực tế.	Writing topics/tasks were authentic to real-life communication.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
C12 Thời lượng bài thi <i>Time Sufficiency</i>	Thời gian cho Writing đủ để lập dàn ý, viết và soát lỗi.	Time for Writing was enough for planning, drafting, and checking.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5

Kỹ năng Nói (Speaking)

C13 Độ khó phù hợp <i>Difficulty Fit</i>	Độ khó Speaking phù hợp với bậc tôi thi.	Speaking difficulty was appropriate for my level.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
C14 Tốc độ/nhịp độ	Tốc độ/nhịp độ của giám khảo (interlocutor) là phù hợp.	Interlocutor's pace and interaction were appropriate.	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5

Pace/Interaction	hợp.			
C15	Chủ đề & nhiệm vụ nói	Speaking	topics/tasks	
Tính thực tế	phản ánh tình huống giao	reflected	real-life	<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
Task Authenticity	tiếp thực tế.	communication.		
C16	Tôi có đủ cơ hội thể hiện	I had adequate opportunity to		
Cơ hội thể hiện	năng lực ở từng phần	demonstrate ability in each		
Opportunity to	Speaking.	Speaking part.		
Demonstrate				<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5

Tương ứng khung CEFR (CEFR Alignment)

D17	Nhiệm vụ bài thi khớp với	Tasks match the CEFR		
Tương ứng mô tả	mô tả năng lực của bậc	descriptors for this level.		
Descriptor Match	CEFR này.			<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
D18	Tôi không cần kiến thức	No specialized non-language		
Phạm vi kiến thức	chuyên môn ngoài ngôn ngữ	knowledge was needed to		
Content	để làm bài.	succeed.		
Bias/Knowledge				<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
D19	Độ khó tăng dần giữa các	Within-skill difficulty		
Độ khó tăng dần	phần trong cùng kỹ năng là	progression was reasonable.		
Internal	hợp lý.			
Progression				<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
D20	Phân bố điểm giữa 4 kỹ	Weighting across the four		
Phân bố điểm	năng là công bằng với người	skills was fair for this level.		
Skill Weighting	học ở bậc này.			<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5

(Tính công bằng/Tính khả dụng) Fairness/Usability

E21	Hướng dẫn và ví dụ trước	Instructions and exemplars		
Hướng dẫn	khi làm bài là rõ ràng.	were clear.		
Instructions				<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
E22	Giao diện/phiếu trả lời dễ sử	Interface/answer sheet was		
Giao diện	dụng, không dễ gây lỗi thao	easy to use and error-		
Interface	tác.	resistant.		
E23	Nội dung không thiên lệch	Content exhibited no cultural		
Thiên lệch văn hóa	văn hoá gây bất lợi cho tôi.	bias disadvantaging me.		
Cultural Fairness				<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5
E24	Mức độ lo âu thi cử không	Test anxiety did not unduly		
				<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5

Mức độ lo âu ảnh hưởng quá mức đến khả năng thể hiện. **Test Anxiety** affect my performance.

So sánh (Comparison)

Q25 So với các kỳ thi ở cùng bậc, NOCN ESOL có độ khó phù hợp hơn. **So sánh cùng cấp** Compared with other exams at the same level, NOCN ESOL felt more appropriately difficult. 1 2 3 4 5

Kiểm tra chất lượng câu trả lời (Quality Check)

Q26 Chọn 'Trung lập (3)' cho câu này để xác nhận bạn đọc kỹ bảng hỏi. **Kiểm tra tập trung** Please select 'Neutral (3)' for this item to confirm you read carefully. 1 2 3 4 5

Q27 Tôi làm bài mà không đọc kỹ yêu cầu. **Kiểm tra thiếu tập trung** I completed the test without reading instructions carefully. 1 2 3 4 5

Inattentive Responding

C) Chú giải thang đo / Scale legend

Số điểm / Point	Tiếng Việt	English
1	Rất không đồng ý	Strongly disagree
2	Không đồng ý	Disagree
3	Trung lập	Neutral
4	Đồng ý	Agree
5	Rất đồng ý	Strongly agree